

Bản án số: 532/2024/HS-PT

Ngày: 10/7/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Phạm Đình Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 558/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Đỗ Văn Hậu do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**Bị cáo có kháng cáo:**

Đỗ Văn H, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/01/2023 đến ngày 06/02/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2021, Đặng Trần C thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos màu cam đen BKS 99A-434.38 của chị Nguyễn Thị S ở thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh mang về thành phố P, tỉnh Hà Nam nhờ Lê Thị Q (là người quen) tìm chỗ cầm cố vay tiền chi tiêu cá nhân. Q gọi điện thoại nhờ anh Ngô Hồng S1 tìm

giúp người nhận cầm cố xe cho C. Anh S1 gọi điện hỏi anh Đặng Quang H1 và được anh Hải giới t đến gặp anh Phạm Hải L. Anh S1 cùng Q, C đi xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos BKS 99A-434.38 đến nhà anh L, tại đây, C đã cầm cố chiếc xe ô tô BKS 99A-434.38 cùng bản phôtô đăng ký xe, bảo hiểm xe mang tên chị Nguyễn Thị S cho anh L để vay số tiền 200.000.000 đồng.

Khoảng gần 01 tháng sau, C chuyển khoản thanh toán tiền vay cho anh L và nhờ Q đến gặp anh L để lấy xe ô tô về. Q gọi điện nhờ anh S1 liên hệ với anh L; sau đó, anh S1 chở Q đến bãi xe T4 thuộc phường L, thành phố P để Q nhận lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos BKS 99A-434.38 cùng giấy tờ để trên taplo từ anh L rồi điều khiển về nhà tại khu đô thị T.

Cuối tháng 9 năm 2021, Phạm Anh T2 (là bạn của Q và C) về nhà Q. Trong thời gian này, C có gọi điện cho T2 nhờ tìm người đứng tên để C làm giả các giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy phép lái xe ô tô mang tên người này với mục đích đủ điều kiện bán hoặc cầm cố chiếc xe ô tô Seltos BKS 99A-434.38 với giá cao. T2 gọi điện nhờ Đỗ Văn H đứng tên làm giả các giấy tờ liên quan đến xe ô tô để bán, cầm cố và được H đồng ý. Sau đó, H chụp ảnh chân dung, ảnh căn cước công dân của H và gửi qua ứng dụng Messenger cho T2. T2 gửi các hình ảnh trên qua tài khoản Zalo cho C. Khoảng một tuần sau, C gọi điện cho T2 báo sắp có giấy tờ gửi về nên T2 liên lạc qua ứng dụng M bảo H về Hà Nam để chuẩn bị đi cầm cố, bán xe ô tô; đồng thời, C gọi điện nhờ Q dẫn H đi cầm cố hoặc cầm xe ô tô BKS 99A-434.38 và bảo Q dẫn H phải nói tên là Q1 nhà ở Bắc Ninh, đang làm việc tại Khu công nghiệp ở Hà Nam, do đang có dịch C1 không về quê được nên cần tiền bán, cầm cố xe. Khi H đi xe ô tô khách về cầu C, thành phố P, tỉnh Hà Nam, T2 nhờ Q ra đón nhưng Q đã nhờ anh Ngô Hồng S1 đưa H vào nhà Q. Tại đây, T2 giới thiệu với mọi người H là bạn của mình. Khoảng một, hai ngày sau T2 nhận được các giấy tờ do C gửi qua đường bưu điện gồm: 01 Căn cước công dân có số 037093001245 (in ảnh của H), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Kia Seltos màu cam BKS 99A-434.38 và 01 Bằng lái xe ô tô B2 đều mang tên Đỗ Văn Q2, sinh ngày 13/01/1993, trú tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; T2 đưa cho H giữ các giấy tờ này. Theo sự chỉ đạo trước đó của C, T2 và Q dẫn H khi gặp khách mua xe phải nói là tên Q2, người Bắc Ninh đang làm công trình ở trong Khu công nghiệp C, thành phố P, vì dịch Covid bị phong tỏa không về nhà được nên bán xe để lấy tiền chi tiêu, sinh hoạt.

Ngày 02/10/2021, Lê Thị Q gọi điện liên hệ với anh Phạm Duy M1 nói có khách muốn bán xe ô tô và nhờ anh M1 giới thiệu. Anh M1 thông báo cho anh Vũ Minh Q3 biết và anh Q3 đồng ý đi xem xe; đồng thời, chuyển vào tài khoản của anh M1 400.000.000 đồng để dùng trả cho chủ xe nếu mua được xe. Khoảng 11 giờ ngày 04/10/2021, anh Q3 và anh M1 cùng đi đến gặp Q và Đỗ Văn H; sau đó, Q bỏ đi còn H tự giới thiệu tên là Đỗ Văn Q2, chủ xe ô tô BKS 99A-434.38, anh Q3 xem xe ô tô và các giấy tờ gồm Căn cước công dân số 037093001245 mang tên Đỗ Văn Q2, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99001083 ngày 06/7/2021, BKS 99A-434.38 mang tên Đỗ Văn Q2, do Phòng C2 Công an tỉnh B cấp và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô BKS 99A-434.38 mang tên Nguyễn Thị S do H lấy trên xe ô

tô. Sau khi xem xe và các giấy tờ do H đưa, anh Q3 đồng ý mua xe ô tô BKS 99A- 434.38 với giá 450.000.000 đồng. Đỗ Văn H đã lấy danh nghĩa là Đỗ Văn Q2 với các thông tin cá nhân ghi trên giấy tờ giả viết giấy bán xe ô tô BKS 99A-434.38 cho anh Q3. Anh Q3 bảo anh M1 chuyển trả trước cho H 400.000.000 đồng. H bảo anh M1 chuyển số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng M2 số 0680128818888 của Lê Thị Quỳnh. Sau đó, anh Q3 nhận ô tô BKS 99A-434.38 cùng các giấy tờ liên quan đến xe ô tô và Căn cước công dân đều mang tên Đỗ Văn Q2. Đến ngày 05/10/2021, anh Q3 chuyển thêm số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của anh M1 và anh M1 đã chuyển số tiền này vào tài khoản của Q để thanh toán hết tiền mua xe.

Sau khi nhận được tiền bán xe ô tô do anh M1 chuyển vào tài khoản, Lê Thị Q đã chuyển cho Đỗ Văn H 12.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng T5 số 19031812129019; đồng thời mua cho H một điện thoại di động trị giá 7.000.000đ; chuyển 10.000.000 đồng cho Phạm Anh T2 vào tài khoản Ngân hàng M2 số 5519931996; chuyển 164.000.000 đồng cho Đặng Trần C vào tài khoản Ngân hàng A; chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V mang tên Nguyễn Đức L1 số 0280101225588 theo yêu cầu của C. Số tiền còn lại 57.000.000 đồng, Q đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Sau khi mua xe một thời gian, anh Q3 nghi ngờ Giấy đăng ký xe ô tô BKS 99A-434.38 là giấy tờ giả nên đã gọi điện cho Đỗ Văn Q2 (tức H) để hỏi nhưng không liên lạc được.

Đến thời điểm cuối năm 2021, chị Nguyễn Thị S đề nghị Đặng Trần C trả lại xe ô tô BKS 99A-434.38; Công hỏi Q để lấy số điện thoại của anh Q3 rồi gọi điện cho anh Q3 tự nhận là anh của Q2 (tức H) và đề nghị được lấy lại xe ô tô BKS 99A-434.38. Ngày 27/01/2022, C mang xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 99A-429.52 kèm theo Giấy chứng nhận đăng kiểm, Giấy chứng nhận đăng ký của xe ô tô (bản photo), Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc đứng tên anh Nguyễn Thừa H2 (chủ xe) và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 856648,856743 xuống thành phố P gặp anh Q3 đề nghị cho đổi lấy xe ô tô BKS 99A-434.38. Anh Q3 đồng ý nhưng yêu cầu C viết giấy vay tiền với số tiền 510.000.000 đồng và giấy bán xe ô tô BKS 99A-429.52 cho anh Q3 rồi giao xe ô tô BKS 99A-434.38 cho C. C đã mang xe này về Bắc Ninh trả lại cho chị Nguyễn Thị S. Đối với chiếc xe ô tô BKS 99A-429.52 anh Q3 cho anh Trần Kiên Đ (là bạn) mượn để đi lại.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã có Công văn số 631/CSHS(Đ3) đề nghị Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội xác định số Căn cước công dân 037093001245 được cấp cho công dân nào. Tại Công văn trả lời số 269/C06-TTDLDC ngày 29/8/2022 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội xác định số Căn cước công dân 037093001245 được cấp cho Đỗ Văn H, sinh ngày 13/01/1993, trú tại T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tiến hành xác minh tại Công an xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh xác định trên địa bàn xã Đ không có công dân tên là Đỗ Văn Q2, sinh ngày 13/01/1993.

Tại bản Kết luận giám định số 405/KL-KTHS ngày 12/8/2022 của [Phòng K Công an tỉnh H](#) kết luận: “Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99001083 gửi giám định ký hiệu A là giả”.

Về nguồn gốc các giấy tờ giả gồm Căn cước công dân số 037093001245, Giấy phép lái xe hạng B2 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99001083 đều mang tên [Đỗ Văn Q2](#): Quá trình điều tra, Đăng Trần Công khai bản thân đặt của một người không rõ nhân thân lai lịch qua mạng Internet. Ngoài lời khai của [C](#), không còn tài liệu nào khác nên không có căn cứ để xác định ai là người đã làm, bán các giấy tờ giả cho [Đăng Trần C](#).

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra BKS 99A-429.52, tài liệu điều tra bước đầu xác định: Do [Đăng Trần C](#) thuê của anh [Nguyễn Thừa H2](#) và các giấy tờ liên quan mang đến [thành phố P](#) viết giấy bán cho anh [Q3](#) để chuộc xe ô tô BKS: 99A-434.38.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 55; Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo [Đỗ Văn H](#) 08 ([T3](#)) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 ([B](#)) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc [Đỗ Văn H](#) phải chấp hành chung cho cả hai tội là 12 (Mười hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/4/2024 bị cáo [Đỗ Văn H](#) có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo [Đỗ Văn H](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo [Đỗ Văn H](#) về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ. Xét thấy quá trình điều tra xét xử, bị cáo [H](#) thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường số tiền hưởng lợi và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo [Đỗ Văn H](#), giảm cho bị cáo [H](#) 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, giữ nguyên mức hình phạt về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo [Đỗ Văn H](#) thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo [Đỗ Văn H](#) phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 8/2021, [Đặng Trần C](#) thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos màu cam đen BKS 99A-434.38 của chị [Nguyễn Thị S](#) ở [tỉnh Bắc Ninh mang về thành phố P, tỉnh Hà Nam](#) cầm cố vay tiền. Đến cuối tháng 9/2021, [Đặng Trần C](#), [Phạm Anh T2](#) và [Đỗ Văn H](#) đã thống nhất làm giả 01 Căn cước công dân số 037093001245; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99001083 nhãn hiệu Kia Seltos màu cam đen BKS 99A-434.38 đều mang tên [Đỗ Văn Q2](#) trú tại [xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh](#). Dưới sự hướng dẫn của [Q](#) và [T2](#), [H](#) đã tự nhận là [Đỗ Văn Q2](#) như trong giấy tờ giả; đồng thời, là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos BKS 99A-434.38. Sau đó, viết giấy bán chiếc xe cho anh [Vũ Minh Q3](#) để chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng.

[Lê Thi Q](#) không biết Căn cước công dân số 037093001245 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 99001083 là do [C](#) đặt làm giả nên [Q](#) không đồng phạm với các bị cáo [C](#), [T2](#) và [H](#) về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo [Đỗ Văn H](#) về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo [Đỗ Văn H](#), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Tháng 8/2021 do dịch bệnh covid không có việc làm, gặp khó khăn về kinh tế nên [Đỗ Văn H](#) đồng ý đứng tên căn cước công dân, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả mang tên [Đỗ Văn Q2](#) và nhận là chủ sở hữu xe ô tô để bán xe ô tô giúp cho [T2](#) và [Q](#), được [T2](#) và [Q](#) trả tiền công 12.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Iphone X trị giá 7.000.000 đồng. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm bị cáo [H](#) thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền hưởng lợi cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo [H](#) được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bị cáo [H](#) là người thực hành trong vụ án đồng phạm, nhưng bị cáo [H](#) chỉ là làm thuê theo yêu cầu của [T2](#) và [Q](#) để được trả tiền công nên có vai trò hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn (bố chết, mẹ làm ruộng, bị cáo là lao động chính trong gia đình) và đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính (19 triệu đồng). Do bị cáo [H](#) có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và mức án 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Tòa

án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo H là có phần nghiêm khắc nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm cho bị cáo H một phần hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thấy bị cáo H biết việc làm giấy tờ giả để bán xe là vi phạm pháp luật nhưng vẫn đồng ý cung cấp hình ảnh của bị cáo để cho C, T2 làm căn cứ công dân, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả và bị cáo đã sử dụng các giấy tờ giả này để giúp T2, Q bán được xe ô tô nhằm chiếm đoạt tiền của người mua xe nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” cho bị cáo Đỗ Văn H.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Văn H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam về phần hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 55; Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 07 (B1) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (B) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc Đỗ Văn H phải chấp hành chung cho cả hai tội là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

**Phạm Đình Khánh**

**Nguyễn Phương Hạnh**

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Hạnh**